

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 408/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2021

V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Nhì

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thơi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2021/TLST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc: “vụ án ly hôn - mâu thuẫn gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-HN ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh Tr, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 29 đường CL, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phùng Hồng Th, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 29 đường CL, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 11/23/7 DDH, phường TTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2021 cùng các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, các đương sự trình bày như sau:

Ông Lê Minh Tr và Bà Phùng Hồng Th tự nguyện chung sống từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2016, ngày 14/4/2016).

Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo ông Tr cho là bất đồng giữa mẹ chồng, nàng dâu, giờ giấc sinh hoạt và mâu thuẫn về vấn đề tài chính, cách chăm sóc con chung. Theo bà Th cho rằng mâu thuẫn là xuất phát từ quan điểm tài chính, ông Tr thường xuyên chơi game và không quan tâm đến vợ con; thường xuyên đi sớm về khuya, không chia sẻ công việc gia đình với vợ con, sau mỗi lần cãi vã, ông Tr không tìm cách giải quyết mà bỏ về nhà mẹ ruột sống.

Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt, không còn quan tâm nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Tr và bà Th đã quyết định thống nhất ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung, tên là Lê Nhã U, sinh ngày 08/01/2018. Ông Tr đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ U và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con, vì ông cho rằng ông có việc làm ổn định và có nhà ở chung với bà nội của cháu nên đủ điều kiện chăm sóc con tốt hơn. Tại phiên tòa, ông Tr trình bày là trong trường hợp giao cho cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng thì ông cũng đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà Th.

Bà Th cho rằng trong thời gian chung sống, bà có đưa bé U đi khám và phát hiện bé bị chậm phát triển ngôn ngữ, bà đã đưa bé ra Hà Nội chữa trị, nhưng ông Tr cũng không một lần hỏi thăm. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân từ tháng 4/2021 và bé U ở chung với bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian giãn cách xã hội (từ 6/2021- 10/2021), hai mẹ con rất vất vả, tuy nhiên ông Tr chưa từng gọi điện hỏi thăm, sau giãn cách cũng chưa từng qua thăm bé. Do đó, bà đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ Lê Nhã U, yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng/tháng. Đồng thời, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày cuối cùng mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 12/2021; tại tòa bà Th yêu cầu thực hiện từ tháng 01/2022 cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Lê Minh Tr và Bà Phùng Hồng Th có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà Th, ông Tr có 01 con chung Lê Nhã U, sinh ngày 08/01/2018; Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Nay ông Tr có yêu cầu ly hôn, bà Th đồng ý. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tr. Về vấn đề tài sản chung, nợ chung: Không có; Về con chung: ông Tr, bà Th đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên do bé Lê Nhã U còn nhỏ, trước và sau khi vợ chồng ly thân đều do bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, trong giai đoạn giãn cách xã hội thì cũng do bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng, ngược lại ông Tr không đến thăm và cũng không cấp dưỡng cho con chung trong khi cháu có dấu hiệu chậm phát triển. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Lê Nhã U, sinh ngày 08/01/2018 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 40, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Minh Tr như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lê Minh Tr nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà Phùng Hồng Th, nên đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phùng Hồng Th cư trú tại địa chỉ 11/23/7 DDH, phường TTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lựa chọn Tòa nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh Tr và Bà Phùng Hồng Th quen biết, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42/2016, ngày 14/4/2016 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa Ông Lê Minh Tr và Bà Phùng Hồng Th là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1.1] Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ năm 2019, ông Tr, bà Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo ông Tr là

do bất đồng giữa mẹ chồng, nàng dâu, giờ giấc sinh hoạt và mâu thuẫn về vấn đề tài chính, cách chăm sóc con chung. Theo bà Th cho rằng mâu thuẫn là xuất phát từ quan điểm tài chính, ông Tr thường xuyên chơi game và không quan tâm đến vợ con; thường xuyên đi sớm về khuya, không chia sẻ công việc gia đình với vợ con, sau mỗi lần cãi vã, ông Tr không tìm cách giải quyết mà bỏ về nhà mẹ ruột sống. Do đó, hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021, không ai còn quan tâm đến nhau. Mặc dù, hai vợ chồng đã có thời gian ra ngoài sống nhưng cũng không có hạnh phúc, mâu thuẫn không khắc phục được.

[3.1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông Tr, bà Th hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng ông Tr vẫn giữ yêu cầu ly hôn, bà Thái cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Tr. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau, nhưng cả hai vẫn giữ yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông Tr, bà Th mong muốn có cuộc sống riêng, không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng với nhau.

[3.1.3] Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa ông Tr, bà Th đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Tr là có cơ sở, nên chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Cả hai vợ chồng xác nhận có 01 con chung, tên là Lê Nhã U, sinh ngày 08/01/2018. Ông Tr đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ U, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Bà Th cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày cuối cùng mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 01/2022 cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã thể hiện như sau: Từ khi vợ chồng ông Tr, bà Th sinh cháu U cho đến khi ly thân, con chung đều do bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, trẻ U là bé gái, còn nhỏ tuổi, hơn nữa hiện nay cháu đang bị bệnh chậm phát triển ngôn ngữ nên rất cần người mẹ ở cận kề chăm sóc. Tuy hiện nay, bà Th phải thuê nhà ở riêng nhưng cũng có thu nhập đủ để trang trải lo cho con hàng ngày. Trong khi ông Tr yêu cầu trực tiếp chăm sóc con chung, vì ông cho rằng ông có thu nhập ổn định và có nhà của gia đình nên không cần thuê nhà; tuy vậy nhưng ông Tr lại giao con chung cho bà nội và cô trông cháu những lúc ông phải đi làm, điều này thì không đảm bảo việc chăm sóc con chu đáo bằng tình thương của người mẹ lo cho con.

[3.2.2] Do đó, Hội đồng xét xử xét, để đảm bảo quyền lợi cho trẻ có đủ điều kiện phát triển về thể chất và tâm sinh lý một cách ổn định nên chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao trẻ U cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của Thái là 4.000.000đồng/tháng, trong giai đoạn hiện nay là phù hợp với điều kiện sống của trẻ; hơn nữa ông Tr cũng đồng ý yêu cầu này của bà Th;

nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Th, đồng thời việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày cuối cùng mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 01/2022 cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr, bà Th xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Tr phải chịu theo quy định là 300.000đồng.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Tr phải chịu theo quy định 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Ông Lê Minh Tr được ly hôn Bà Phùng Hồng Th.

2. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao trẻ Lê Nhã U, sinh ngày 08/01/2018 cho Bà Phùng Hồng Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Minh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng); việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày cuối cùng mỗi tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2022 cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Ông Lê Minh Tr được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày Bà Phùng Hồng Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông Lê Minh Tr không chịu thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền cấp dưỡng nuôi con còn thiếu thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, do đó Tòa án không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) Ông Lê Minh Tr phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0038714 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, Ông Lê Minh Tr đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), Ông Lê Minh Tr phải chịu.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2016, ngày 14/4/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6 cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nam